

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Tiến

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-3-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18-4-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTKD; địa chỉ: Số 22 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh NQL; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 22 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số 03, Trại giam D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26-11-2018 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTKD trình bày:

Chị NTKD và anh NQL xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, quận G, thành phố Hà Nội từ ngày 24-4-1984. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp. Anh NQL không chăm lo cho vợ con, một

mình chị NTKD nuôi dưỡng, chăm sóc các con, anh NQL rất ít khi ở nhà, nên chị NTKD và anh NQL đã sống ly thân với nhau. Nhưng vì các con còn nhỏ, chị NTKD chưa muốn đề nghị ly hôn với anh NQL, sợ ảnh hưởng đến học tập, suy nghĩ của các cháu. Đến năm 2007, anh NQL phạm tội, bị xử phạt 20 năm tù về tội Tham ô tài sản. Hiện nay, anh NQL đang thi hành án tù tại Phân trại số 03, Trại giam D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa, tính đến ngày 07-5-2019, anh NQL đã chấp hành án tù được hơn 13 năm. Nay thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, các con chung đều đã thành niên, có gia đình riêng nên chị NTKD mong muốn có cuộc sống ổn định. Vì vậy, chị NTKD đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn với anh NQL.

Về con chung: Chị NTKD và anh NQL có 02 con chung là H, sinh ngày 09-2-1985 và I, sinh ngày 20-9-1988, các con chung đều đã thành niên và có gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị NTKD không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh NQL vắng mặt nhưng đã có Bản tự khai ngày 22-01-2019 và Bản tự khai ngày 28-3-2019 gửi đến Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng. Theo đó, anh NQL trình bày:

Anh NQL và chị NTKD xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, quận G, thành phố Hà Nội từ năm 1984. Quá trình chung sống chưa phát sinh mâu thuẫn, tình cảm giữa anh NQL và chị NTKD là bình thường. Nay chị NTKD đề nghị ly hôn với anh NQL, anh NQL không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung là H, sinh ngày 09-2-1985 và I, sinh ngày 20-9-1988, các con chung đều đã thành niên và có gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn, anh NQL được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Xét thấy, chị NTKD và anh NQL xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, quận G, thành phố Hà Nội nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của gia đình, thấy rằng quá trình chung sống giữa chị NTKD và anh NQL đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Đến năm 2007, anh NQL phạm tội, bị xử phạt 20 năm tù về tội Tham ô tài sản. Hiện nay, anh NQL đang thi hành án tù tại Phân trại số 03, Trại giam D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa, tính đến ngày 07-5-2019, anh NQL đã chấp hành án tù được hơn 13 năm. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị NTKD đề nghị ly hôn với anh NQL. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị NTKD ly hôn với anh NQL là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị NTKD và anh NQL có 02 con chung là H, sinh ngày 09-2-1985 và I, sinh ngày 20-9-1988. Các con chung đều đã thành niên, có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị NTKD và anh NQL được ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung là H, sinh ngày 09-2-1985 và I, sinh ngày 20-9-1988. Các con chung đều đã thành niên, có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị NTKD phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0008027, ngày 19-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị NTKD đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường F,
G, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền